

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HÀ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DSST

Ngày: 31/7/2018

“V/v tranh chấp về không công
nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ – TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đức Thông.

2. Bà Nguyễn Thị Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án Nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 32/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh **Đình Khắc H**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện H, tỉnh Q. Có mặt.

2. Bị đơn: chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện H, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/4/2018 và bản tự khai, nguyên đơn anh Đình Khắc H có quan điểm như sau:

Anh và chị Nguyễn Thị L chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung về tình cảm và kinh tế. Anh và chị L đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa, anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị L.

Trong thời gian chung sống vợ chồng có 04 con chung: Đinh Thị Phượng, sinh năm 1991, Đinh Thị Nguyệt, sinh năm 1994, Đinh Thị Nhi, sinh năm 1998 và Đinh Thị Quỳnh, sinh ngày 22/9/2003. Các cháu Phượng, Nguyệt, Nhi đã thành niên, còn cháu Quỳnh anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu, anh không tranh chấp việc nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và khoản nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị L: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án Nhân dân huyện H đã tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời yêu cầu chị L cung cấp thông tin về tình trạng quan hệ giữa chị và anh H, quan điểm trong việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, chị L không đến Tòa án cũng như không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào về các yêu cầu của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh tại thôn 5, xã Đ, huyện H về tình trạng hôn nhân của anh H, chị L và được ông Đinh Khắc Trọng, trưởng thôn 5, xã Đ cung cấp thông tin: Anh H và chị L chung sống với nhau từ năm 1990 tại thôn 5, xã Đ, huyện H nhưng không đăng ký kết hôn. Những năm gần đây vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, hay cãi nhau, hàng xóm nhiều lần khuyên can nhưng không được. Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu của anh H theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Đinh Khắc H vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Nguyễn Thị L và giải quyết việc nuôi dưỡng con chung Đinh Thị Quỳnh theo nguyện vọng của cháu. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về trình tự, quá trình giải quyết vụ án đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Thông báo thụ lý, Kiểm tra việc tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải đúng pháp luật. Tại phiên tòa: Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng. Những người tham gia tố tụng về cơ bản đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên họp, phiên tòa là chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ kết hợp với việc hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, đối chiếu với quy định tại các

điều 9, 14, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng:** Việc bị đơn Nguyễn Thị L đã được triệu tập đến phiên toà hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 không đăng ký kết hôn, vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình, tuy nhiên là hôn nhân thực tế, đã sinh với nhau 4 người con và tạo lập tài sản chung. Hiện nay, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, kéo dài, hai bên đã sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về kinh tế và tình cảm. Do đó, yêu cầu của anh H đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị L là có cơ sở theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng có 04 con chung là Đinh Thị Phụng, sinh năm 1991, Đinh Thị Nguyệt, sinh năm 1994, Đinh Thị Nhi, sinh năm 1998 và Đinh Thị Quỳnh, sinh ngày 22/9/2003. Tại phiên tòa anh H trình bày: Hiện nay ba cháu lớn đã thành niên, cháu Phụng và Nguyệt đã xây dựng gia đình, còn cháu Quỳnh đang sinh sống cùng với mẹ ở nhà ông bà ngoại gần ngay đó. Cháu thường xuyên qua lại giữa hai nhà và luôn nhận được sự quan tâm chăm sóc của cả bố và mẹ vì vậy việc cháu muốn ở cùng ai do cháu tự lựa chọn, anh không tranh chấp về việc nuôi con.

Về vấn đề này Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị L mặc dù được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án, không thể hiện quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên cháu Quỳnh có lời khai thể hiện nguyện vọng muốn ở cùng mẹ và ông bà ngoại vì thực tế cháu vẫn sống cùng mẹ và ông bà ngoại. Cháu được mẹ và ông bà chăm lo chu đáo và được ăn học đầy đủ. Để bảo vệ và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ chưa thành niên, Hội đồng xét xử giao cháu Quỳnh cho chị L nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và khoản nợ: Anh H không đề nghị nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết, dành cho hai bên đương sự quyền khởi kiện vụ án dân sự khi một trong hai bên có yêu cầu.

[3] **Về án phí:** Anh Đinh Khắc H phải nộp án phí vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 7 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 điều 228; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15; Điều 81; Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn anh Đinh Khắc H.
2. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Đinh Khắc H và chị Nguyễn Thị L.
3. Giao con chung Đinh Thị Quỳnh, sinh ngày 22/9/2003 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 7/2018 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đinh Khắc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đinh Khắc H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

4. Về án phí: Anh Đinh Khắc H phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng). Anh H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002728 ngày 19/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện H;
- TAND tỉnh Q;
- Chi cục THSDS huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Hương Lan